

## DANH MỤC

### Thủ tục hành chính triển khai mức độ 3, 4

(Kèm theo Thông báo số: 10438/TB-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020  
của UBND thành phố Vũng Tàu)

| STT              | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                   | Mức độ<br>3 | Mức độ<br>4 | Ghi chú                           |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------------------------------|
| <b>Cấp huyện</b> |                                                                                                                                                                                                          |             |             |                                   |
| <b>I</b>         | <b>Lĩnh vực Hành chính tư pháp</b>                                                                                                                                                                       |             |             |                                   |
| 1                | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                   | x           |             |                                   |
| 2                | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                     | x           |             |                                   |
| 3                | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                 | x           |             | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 4                | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                     | x           |             |                                   |
| 5                | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                            | x           |             |                                   |
| 6                | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                               | x           |             |                                   |
| 7                | Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                        |             | x           |                                   |
| 8                | Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan                                                                                                    |             | x           |                                   |
| 9                | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) |             | x           | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 |
| 10               | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                               | x           |             | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 |
| 11               | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho                                                                                                                                                               | x           |             |                                   |

|            |                                                                                                                                                                                                                               |   |   |                                   |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------|
|            | người đã có hồ sơ giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                                                             |   |   |                                   |
| 12         | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      | x |   |                                   |
| 13         | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      | x |   | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 14         | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                          |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 15         | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                | x |   |                                   |
| 16         | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                                                                 |   | x |                                   |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Chứng thực</b>                                                                                                                                                                                                    |   |   |                                   |
| 1          | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | x |   | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 2          | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                                                                           | x |   | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 3          | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                                                                                      | x |   | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Quản lý công sản</b>                                                                                                                                                                                              |   |   |                                   |
| 1          | Mua quyền hóa đơn                                                                                                                                                                                                             |   | x |                                   |
| 2          | Mua hóa đơn lẻ                                                                                                                                                                                                                |   | x |                                   |
| 3          | Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư                                                                                             |   | x |                                   |
| 4          | Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                                                                                                        |   | x |                                   |
| 5          | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối                                                                                                                                      |   | x |                                   |

|           |                                                                                                                                                                             |   |   |                                         |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
|           | tượng quản lý, sử dụng tài sản công                                                                                                                                         |   |   |                                         |
| 6         | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước                            |   | x |                                         |
| 7         | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. |   | x |                                         |
| 8         | Quyết định điều chuyển tài sản công                                                                                                                                         |   | x |                                         |
| 9         | Quyết định bán tài sản công                                                                                                                                                 |   | x |                                         |
| 10        | Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ                                  |   | x |                                         |
| 11        | Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công                                                                                                                       |   | x |                                         |
| 12        | Quyết định thanh lý tài sản công                                                                                                                                            |   | x |                                         |
| 13        | Quyết định tiêu hủy tài sản công (cấp huyện)                                                                                                                                |   | x |                                         |
| 14        | Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại                                                                                                          |   | x |                                         |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh</b>                                                                                                                    |   |   |                                         |
| 1         | Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                     |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| 2         | Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                     |   | x |                                         |
| 3         | Thủ tục tạm ngưng hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                   |   | x |                                         |
| 4         | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                       |   | x |                                         |
| 5         | Thủ tục Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                    | x |   |                                         |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã</b>                                                                                                                       |   |   |                                         |

|    |                                                                                                                                                                                 |   |   |                                         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
| 1  | Đăng ký khi hợp tác xã chia                                                                                                                                                     |   | x |                                         |
| 2  | Đăng ký khi hợp tác xã tách                                                                                                                                                     |   | x |                                         |
| 3  | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất                                                                                                                                                 |   | x |                                         |
| 4  | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập                                                                                                                                                 |   | x |                                         |
| 5  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) |   | x |                                         |
| 6  | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã                                                                                                   |   | x |                                         |
| 7  | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                           |   | x |                                         |
| 8  | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                        |   | x |                                         |
| 9  | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                             |   | x |                                         |
| 10 | Đăng ký Hợp tác xã                                                                                                                                                              | x |   | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| 11 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                             | x |   |                                         |
| VI | Lĩnh vực Đấu thầu                                                                                                                                                               |   |   |                                         |
| 1  | Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ                                                                                                           |   | x |                                         |
| 2  | Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia                                                                                                                                |   | x |                                         |
| 3  | Lựa chọn nhà thầu qua mạng                                                                                                                                                      |   | x |                                         |
| 4  | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu                                                                                                                               |   | x |                                         |
| 5  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn                                                                        |   | x |                                         |

|            |                                                                                                            |  |   |                                   |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------------------------------|
| 6          | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp          |  | x |                                   |
| 7          | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa |  | x |                                   |
| 8          | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn                     |  | x |                                   |
| 9          | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa     |  | x |                                   |
| 10         | Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật                                      |  | x |                                   |
| 11         | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu                                                           |  | x |                                   |
| 12         | Phê duyệt danh sách ngắn                                                                                   |  | x |                                   |
| 13         | Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu                                                                 |  | x |                                   |
| 14         | Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                            |  | x |                                   |
| 15         | Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                                                                       |  | x |                                   |
| 16         | Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                                                                      |  | x |                                   |
| 17         | Làm rõ hồ sơ dự thầu                                                                                       |  | x |                                   |
| 18         | Làm rõ hồ sơ dự thầu                                                                                       |  | x |                                   |
| 19         | Làm rõ hồ sơ dự thầu                                                                                       |  | x |                                   |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b>                                                              |  |   |                                   |
| 1          | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                              |  | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 2          | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                             |  | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |

|             |                                                                                                                    |   |   |                                                                               |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------|
| 3           | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                  |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017                                             |
| 4           | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                          |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018;<br>Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| 5           | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                                                         |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018                                             |
| 6           | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                      |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018                                             |
| 7           | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                             |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019                                       |
| 8           | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                            |   | x |                                                                               |
| 9           | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                         |   | x |                                                                               |
| 10          | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện                                             | x |   |                                                                               |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực Thủy sản</b>                                                                                           |   |   |                                                                               |
| 1           | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                                      |   | x |                                                                               |
| 2           | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) |   | x |                                                                               |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |                                  |                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------------------|-----------------------------------------|
| 3   | Công bố mở cảng cá loại 3                                                                                                                                                                                                                                                                          |   | x                                |                                         |
| IX  | <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |                                  |                                         |
| 1   | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện                                                                                                                                                                              |   | x                                |                                         |
| 2   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)                                                                                                                           |   | x                                |                                         |
| 3   | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện                                                                                                                                                                                     |   | x                                |                                         |
| 4   | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)                                                                                                                                                               |   | x                                |                                         |
| 5   | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)                                                                                                                                               |   | x                                |                                         |
| X   | <b>Lĩnh vực hoạt động Xây dựng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |                                  |                                         |
| 1   | Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của trung ương, cấp tỉnh. | x | x (Cấp giấy phép nhà ở riêng lẻ) | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| 2   | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, , trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của trung ương, cấp tỉnh.                       | x |                                  |                                         |
| XI  | <b>Lĩnh vực hạ tầng – Kỹ thuật đô thị</b>                                                                                                                                                                                                                                                          |   |                                  |                                         |
| 1   | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh                                                                                                                                                                                                                                                        | x |                                  |                                         |
| XII | <b>Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |                                  |                                         |

|             |                                                                                                                                                                                                                  |   |   |  |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| 1           | Cấp giấy chứng nhận điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                                           |   | x |  |
| 2           | Cấp lại giấy chứng nhận điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                                       |   | x |  |
| 3           | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                                |   | x |  |
| <b>XIII</b> | <b>Lĩnh vực Đường bộ</b>                                                                                                                                                                                         |   |   |  |
| 1           | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố hoặc UBND huyện. |   | x |  |
| 2           | Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố hoặc UBND huyện.                               |   | x |  |
| 3           | Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố hoặc UBND huyện.        | x |   |  |
| 4           | Cấp phép dừng xe, đỗ xe tại nơi cấm dừng, cấm đỗ; cấp phép xe vào đường cấm của hệ thống đường địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố hoặc UBND huyện.                               |   | x |  |
| <b>XIV</b>  | <b>Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng</b>                                                                                                                                                                               |   |   |  |
| 1           | Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng                                                                                                                                                                         |   | x |  |
| <b>XV</b>   | <b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>                                                                                                                                                                                   |   |   |  |
| 1           | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội          |   | x |  |
| 2           | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động                                                                                                                      |   | x |  |

|      |                                                                                                                                             |   |   |                        |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------|
|      | – Thương binh và Xã hội                                                                                                                     |   |   |                        |
| 3    | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội          |   | x |                        |
| 4    | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp  |   | x |                        |
| 5    | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.                          | x |   |                        |
| 6    | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp. | x |   |                        |
| 7    | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện                                       | x |   |                        |
| 8    | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện                                                                 | x |   |                        |
| 9    | Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện                                                                           | x |   |                        |
| 10   | Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh  |   | x |                        |
| 11   | Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh            |   | x |                        |
| 12   | Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện                                                                               |   | x | Phòng Nội vụ tiếp nhận |
| 13   | Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện                                                                   |   | x |                        |
| XVI  | Lĩnh vực Người có công                                                                                                                      |   |   |                        |
| 1    | Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                |   | x |                        |
| XVII | Lĩnh vực Lao động – Tiền lương                                                                                                              |   |   |                        |
| 1    | Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động                                                                                              |   | x |                        |

|              |                                                                                                                          |  |   |                        |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|------------------------|
|              | của doanh nghiệp                                                                                                         |  |   |                        |
| <b>XVIII</b> | <b>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</b>                                                                                    |  |   |                        |
| 1            | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động Hội chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |  | x | Phòng Nội vụ tiếp nhận |
| <b>XIX</b>   | <b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>                                                                                |  |   |                        |
| 1            | Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện                         |  | x |                        |
| 2            | Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề                  |  | x |                        |
| 3            | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                                                      |  | x |                        |
| <b>XX</b>    | <b>Lĩnh vực tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b>         |  |   |                        |
| 1            | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập                                                                    |  | x |                        |
| 2            | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập                                                                  |  | x |                        |
| 3            | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập                                                                     |  | x |                        |
| 4            | Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập hội                                                                             |  | x |                        |
| 5            | Thủ tục thành lập hội                                                                                                    |  | x |                        |
| 6            | Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội                                                                                            |  | x |                        |
| 7            | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội                                                                               |  | x |                        |
| 8            | Thủ tục đổi tên Hội                                                                                                      |  | x |                        |
| 9            | Thủ tục hội tự giải thể                                                                                                  |  | x |                        |
| 10           | Thủ tục hội tự giải thể                                                                                                  |  | x |                        |
| <b>XXI</b>   | <b>Lĩnh vực Tôn giáo</b>                                                                                                 |  |   |                        |
| 1            | Thủ tục Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn                                                                                |  | x |                        |

|              |                                                                                                                                                                                                                     |  |   |  |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|
|              | giáo theo quy định tại khoản 2, điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                                                   |  |   |  |
| 2            | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                              |  | x |  |
| 3            | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |  | x |  |
| <b>XXII</b>  | <b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>                                                                                                                                                                                       |  |   |  |
| 1            | Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”                                                                                                 |  | x |  |
| 2            | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm                                                                                                                                                              |  | x |  |
| 3            | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa                                                                                                                                                                       |  | x |  |
| 4            | Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                                                                                                      |  | x |  |
| 5            | Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                                                                                                                          |  | x |  |
| 6            | Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                                                                                                              |  | x |  |
| 7            | Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                                                                                                                  |  | x |  |
| 8            | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội                                                                                                                                                                                      |  | x |  |
| 9            | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội                                                                                                                                                                                    |  | x |  |
| <b>XXIII</b> | <b>Lĩnh vực thư viện</b>                                                                                                                                                                                            |  |   |  |
| 1            | Thủ tục Thông báo thành lập đối với Thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng      |  | x |  |

|             |                                                                                                                                                                                                                                            |  |          |                                   |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------|-----------------------------------|
| 2           | Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |  | <b>x</b> |                                   |
| 3           | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động Thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng             |  | <b>x</b> |                                   |
| <b>XXIV</b> | <b>Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành</b>                                                                                                                                                                                                  |  |          |                                   |
| 1           | Thủ tục thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.                                                                                                                                                                     |  | <b>x</b> | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 2           | Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.                                                                                                                                                                                        |  | <b>x</b> | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| <b>XXV</b>  | <b>Lĩnh vực gia đình</b>                                                                                                                                                                                                                   |  |          |                                   |
| 1           | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)                                                                                                                   |  | <b>x</b> |                                   |
| 2           | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)                                                                                                               |  | <b>x</b> |                                   |
| 3           | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)                                                                                                                   |  | <b>x</b> |                                   |
| 4           | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)                                                                                                            |  | <b>x</b> |                                   |
| 5           | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)                                                                                                        |  | <b>x</b> |                                   |

|             |                                                                                                                                        |   |   |                                         |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
| 6           | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)        |   | x |                                         |
| <b>XXVI</b> | <b>Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo</b>                                                                                                    |   |   |                                         |
| 1           | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.  |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018       |
| 2           | Thủ tục hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo                                                                                         |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018       |
| 3           | Thủ tục hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người. |   | x | Theo QĐ 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018       |
| 4           | Chuyển trường đối với học sinh THCS                                                                                                    | x |   | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| 5           | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                                | x |   | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017       |
| 6           | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực                                       | x |   |                                         |
| 7           | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                                     | x |   |                                         |
| 8           | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại                                                                                      | x |   |                                         |
| 9           | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở                                                                                            | x |   |                                         |
| 10          | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của                                                                                      | x |   |                                         |

|               |                                                                                                                                               |   |   |                                         |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
|               | cá nhân, tổ chức thành lập trường)                                                                                                            |   |   |                                         |
| 11            | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                                          | x |   |                                         |
| 12            | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)                                                | x |   |                                         |
| 13            | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực | x |   |                                         |
| 14            | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                          | x |   |                                         |
| 15            | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                 | x |   |                                         |
| <b>XXVII</b>  | <b>Lĩnh vực Đất đai</b>                                                                                                                       |   |   |                                         |
| 1             | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu     |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
| <b>XXVIII</b> | <b>Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng</b>                                                                                                         |   |   |                                         |
| 1             | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị                                                 |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017       |
| 2             | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến                                                                                             |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017       |
| 3             | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở                                                                                                 |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017       |
| 4             | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                                                                     |   | x | Theo QĐ                                 |

|   |                                                                                              |           |            |                                   |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|-----------------------------------|
|   |                                                                                              |           |            | 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017         |
| 5 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề |           | x          | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| 6 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất                    |           | x          |                                   |
| 7 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại                  |           | x          |                                   |
|   | <b>Tổng số: 28 Lĩnh vực</b>                                                                  | <b>39</b> | <b>134</b> |                                   |

| <b>Cấp xã</b>                                |            |                                                |                     |                     |                |
|----------------------------------------------|------------|------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------|
| <b>LĨNH VỰC</b>                              | <b>STT</b> | <b>TÊN TTHC</b>                                | <b>Mức độ<br/>3</b> | <b>Mức độ<br/>4</b> | <b>Ghi chú</b> |
| <b>Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo</b> | <b>1</b>   | Thủ tục xử lý đơn thư tại cấp xã               |                     | x                   |                |
| <b>Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng</b>      | <b>2</b>   | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập              |                     | x                   |                |
|                                              | <b>3</b>   | Thủ tục công khai bản kê khai tài sản thu nhập |                     | x                   |                |
|                                              | <b>4</b>   | Thủ tục xác minh tài sản                       |                     | x                   |                |
|                                              | <b>5</b>   | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình           |                     | x                   |                |
|                                              | <b>6</b>   | Thủ tục thực hiện việc giải trình              |                     | x                   |                |
| <b>Lĩnh vực đất đai</b>                      | <b>7</b>   | Hòa giải tranh chấp đất đai                    |                     | x                   |                |
| <b>Lĩnh vực văn hóa cơ sở</b>                | <b>8</b>   | Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm   |                     | x                   |                |
|                                              | <b>9</b>   | Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa            |                     | x                   |                |
|                                              | <b>10</b>  | Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã.               |                     | x                   |                |

|                                            |           |                                                                                                              |   |   |  |
|--------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| <b>Lĩnh vực thư viện</b>                   | <b>11</b> | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                                              |   | x |  |
|                                            | <b>12</b> | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng                          |   | x |  |
|                                            | <b>13</b> | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng                                                      |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực thể dục thể thao</b>           | <b>14</b> | Công nhận Câu lạc bộ Thể thao cơ sở                                                                          |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội</b> | <b>15</b> | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình                                                  | x |   |  |
|                                            | <b>16</b> | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng                                                 | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo</b>       | <b>17</b> | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                         |   | x |  |
|                                            | <b>18</b> | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                 |   | x |  |
|                                            | <b>19</b> | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                 |   | x |  |
|                                            | <b>20</b> | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã         |   | x |  |
|                                            | <b>21</b> | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã |   | x |  |
|                                            | <b>22</b> | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                |   | x |  |
|                                            | <b>23</b> | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                          |   | x |  |

|                                             |    |                                                                                                                              |   |   |  |
|---------------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|                                             | 24 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                           |   | x |  |
|                                             | 25 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                     |   | x |  |
|                                             | 26 | Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |   | x |  |
| <b>QLNN của Ban dân tộc</b>                 | 27 | Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                     |   | x |  |
|                                             | 28 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                        |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật</b> | 29 | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                |   | x |  |
|                                             | 30 | Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật                                                                             |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực hòa giải cơ sở</b>              | 31 | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                                              | x |   |  |
|                                             | 32 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                                                      | x |   |  |
|                                             | 33 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                                               |   | x |  |
|                                             | 34 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                                 | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực người có công</b>               | 35 | Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ                                        | x |   |  |
|                                             | 36 | Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi                                                                                       | x |   |  |
|                                             | 37 | Xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ                                | x |   |  |

|                                     |    |                                                                                                                                                                                                |   |   |                                         |
|-------------------------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
|                                     |    | ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ                                                                                                                                                 |   |   |                                         |
|                                     | 38 | Xác nhận liệt sĩ đối với người hy sinh không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ                                     | x |   |                                         |
| <b>Lĩnh vực bảo trợ xã hội</b>      | 39 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                       | x |   |                                         |
|                                     | 40 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                                                          | x |   |                                         |
|                                     | 41 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                                                                   | x |   |                                         |
|                                     | 42 | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                                                                            | x |   |                                         |
|                                     | 43 | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. | x |   |                                         |
|                                     | 44 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.                                                                                                       | x |   |                                         |
| <b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b> | 45 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                                                                                                                          |   | x |                                         |
|                                     | 46 | Thành lập nhóm trẻ lớp mẫu giáo độc lập                                                                                                                                                        |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |

|                            |    |                                                                                                                                                       |   |   |  |
|----------------------------|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|                            | 47 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại                                                                                             |   | x |  |
|                            | 48 | Sát nhập, chia tách nhóm trẻ, mẫu giáo độc lập                                                                                                        |   | x |  |
|                            | 49 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)                                                         |   | x |  |
| <b>Lĩnh Vực giảm nghèo</b> | 50 | Thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm                                                                                          |   | x |  |
|                            | 51 | Thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm                                                                                        |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực trẻ em</b>     | 52 | Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                       | x |   |  |
|                            | 53 | Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc, thay thế cho trẻ em                                                                                                   | x |   |  |
|                            | 54 | Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt    | x |   |  |
|                            | 55 | Thủ tục đăng ký chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | x |   |  |
|                            | 56 | Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích với trẻ em    | x |   |  |

|                                      |    |                                                                                                                          |   |   |  |
|--------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|                                      | 57 | Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân gia đình nhận chăm sóc thay thế. | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực Dân số</b>               | 58 | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.                                               | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội</b>      | 59 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp                                                                 |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực thi đua, khen thưởng</b> | 60 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị                                          |   | x |  |
|                                      | 61 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề                            |   | x |  |
|                                      | 62 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất                                                   |   | x |  |
|                                      | 63 | Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình                                                             |   | x |  |
|                                      | 64 | Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến                                                                                |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực đấu thầu</b>             | 65 | Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ                                                        |   | x |  |
|                                      | 66 | Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia                                                                         |   | x |  |
|                                      | 67 | Lựa chọn nhà thầu qua mạng                                                                                               |   | x |  |
|                                      | 68 | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu                                                                        |   | x |  |
|                                      | 69 | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn                 |   | x |  |

|    |                                                                                                            |  |   |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|
| 70 | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp          |  | x |  |
| 71 | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa |  | x |  |
| 72 | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu                                    |  | x |  |
| 73 | dịch vụ tư vấn                                                                                             |  | x |  |
| 74 | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa     |  | x |  |
| 75 | Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật                                      |  | x |  |
| 76 | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu                                                           |  | x |  |
| 77 | Phê duyệt danh sách ngắn                                                                                   |  | x |  |
| 78 | Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu                                                                 |  | x |  |
| 79 | Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                            |  | x |  |
| 80 | Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                                                                       |  | x |  |
| 81 | Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu                                                                      |  | x |  |
| 82 | Làm rõ hồ sơ dự thầu                                                                                       |  | x |  |
| 83 | Mở thầu                                                                                                    |  | x |  |
| 84 | Gửi thư mời thầu đến các nhà                                                                               |  | x |  |

|                                              |           |                                                                                                                     |   |   |                                         |
|----------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------|
|                                              |           | thầu có tên trong danh sách ngắn                                                                                    |   |   |                                         |
| <b>Lĩnh vực chứng thực</b>                   | <b>85</b> | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận |   | x |                                         |
| <b>Lĩnh vực hành chính tư pháp (Hộ tịch)</b> | <b>86</b> | Đăng ký khai sinh                                                                                                   |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
|                                              | <b>87</b> | Đăng ký kết hôn                                                                                                     |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
|                                              | <b>88</b> | Đăng ký nhận cha mẹ con                                                                                             | x |   |                                         |
|                                              | <b>89</b> | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                 | x |   |                                         |
|                                              | <b>90</b> | Đăng ký khai tử                                                                                                     | x |   |                                         |
|                                              | <b>91</b> | Đăng ký khai sinh lưu động                                                                                          |   | x |                                         |
|                                              | <b>92</b> | Đăng ký kết hôn lưu động                                                                                            |   | x |                                         |
|                                              | <b>93</b> | Đăng ký khai tử lưu động                                                                                            |   | x |                                         |
|                                              | <b>94</b> | Đăng ký giám hộ                                                                                                     |   | x | Theo Kế hoạch 72/KH-UBND ngày 22/5/2019 |
|                                              | <b>95</b> | Đăng ký chấm dứt giám hộ                                                                                            |   | x |                                         |
|                                              | <b>96</b> | Thay đổi, cải chính, Bổ sung thông tin hộ tịch                                                                      | x |   |                                         |
| <b>TTHC thực hiện liên thông</b>             | <b>97</b> | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                               |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày                 |

|                                                     |     |                                                                                                                                                |   |   |                                   |
|-----------------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------|
|                                                     |     |                                                                                                                                                |   |   | 09/6/2017                         |
|                                                     | 98  | Đăng ký lại khai sinh                                                                                                                          | x |   |                                   |
|                                                     | 99  | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                       | x |   |                                   |
|                                                     | 100 | Đăng ký lại kết hôn sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                | x |   |                                   |
|                                                     | 101 | Đăng ký lại khai tử                                                                                                                            | x |   |                                   |
|                                                     | 102 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                  |   | x | Theo QĐ 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 |
| <b>TTHC nuôi con nuôi</b>                           | 103 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                          | x |   |                                   |
|                                                     | 104 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                      | x |   |                                   |
| <b>TTHC Hộ tịch liên thông</b>                      | 105 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                           | x |   |                                   |
|                                                     | 106 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                           | x |   |                                   |
| <b>Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b> | 107 | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                      |   | x |                                   |
| <b>Lĩnh vực trồng trọt</b>                          | 108 | Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa |   | x |                                   |

|                                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |  |
|---------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
| <b>Lĩnh vực thủy lợi</b>        | <b>109</b> | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) |   | x |  |
|                                 | <b>110</b> | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền UBND cấp xã                                                                                                              |   | x |  |
|                                 | <b>111</b> | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND cấp xã                                                                                                                                                        |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b> | <b>112</b> | Đăng ký khai thác nước dưới đất                                                                                                                                                                                                                    |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực môi trường</b>      | <b>113</b> | Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                                                                                                                                                               |   | x |  |
|                                 | <b>114</b> | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích                                                                                                                                                                                            |   | x |  |
| <b>Phòng chống thiên tai</b>    | <b>115</b> | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                                                                                        |   | x |  |
|                                 | <b>116</b> | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                                                                                           | x |   |  |
|                                 | <b>117</b> | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                                                                                           | x |   |  |
|                                 | <b>118</b> | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu                                                                                                                                                                        |   | x |  |
|                                 | <b>119</b> | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                                                                                           | x |   |  |

|                                    |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |
|------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|
|                                    | 120 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                                                                                                                                                                                                                              | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực Động viên quân đội</b> | 121 | Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).                                                                                                                                  | x |   |  |
|                                    | 122 | Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).                                                                                                                              | x |   |  |
| <b>Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội</b>    | 123 | Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000. |   | x |  |
| <b>Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự</b>   | 124 | Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.                                                                                                                                                                                                                                                     | x |   |  |
|                                    | 125 | Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.                                                                                                                                                                                                                                                    |   | x |  |
|                                    | 126 | Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung.                                                                                                                                                                                                                                                     | x |   |  |
|                                    | 127 | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.                                                                                                                                                                                                |   | x |  |
|                                    | 128 | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.                                                                                                                                                                                               |   | x |  |
|                                    | 129 | Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng.                                                                                                                                                                                                                                                    |   | x |  |
|                                    | 130 | Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.                                                                                                                                                                                                                                                 |   | x |  |

|                                                                   |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |           |  |
|-------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--|
| <b>Lĩnh vực<br/>Chính sách</b>                                    | <b>131</b> | Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.                                                                               |           | x         |  |
|                                                                   | <b>132</b> | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc. (đối tượng từ trần) |           | x         |  |
| <b>Lĩnh vực<br/>Thành lập và<br/>hoạt động của<br/>Tổ hợp tác</b> | <b>133</b> | Thông báo thành lập Tổ hợp tác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           | x         |  |
|                                                                   | <b>134</b> | Thông báo thay đổi Tổ hợp tác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           | x         |  |
|                                                                   | <b>135</b> | Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | x         |  |
| <b>Tổng số: 36 lĩnh vực</b>                                       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>42</b> | <b>93</b> |  |